

Số: 115 /KH-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng giai đoạn 2022-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều để làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách giảm nghèo trong năm 2024.

2. Yêu cầu: Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phải đảm bảo chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, đúng quy trình và thời gian quy định, có sự tham gia của các cấp, các ngành và người dân, đảm bảo đúng đối tượng, không bỏ sót đối tượng; phản ánh đúng thực trạng của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các tiêu chí về hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng giai đoạn 2022-2025.

2. Đối tượng rà soát

- Toàn bộ hộ gia đình nằm trong danh sách hộ nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo của tỉnh do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý.

- Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

3. Phạm vi rà soát: trên địa bàn toàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình:

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình

- Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập (*điểm A chính là cột tổng điểm B1 tại Mẫu số 3.4. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực thành thị; Mẫu số 3.9. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn Đông Nam Bộ*) và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (*điểm B chính là tổng điểm B2. Phiếu B2 – Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản*) như sau:

+ Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng, 170 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu

nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng, 200 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.600.000 đồng/người/tháng.

+ Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo quốc gia: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị.

- Hộ cận nghèo quốc gia: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

- Hộ nghèo theo chuẩn tỉnh: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm hoặc hộ có tổng điểm A trên 140 điểm đến 170 điểm và có điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn; hộ có điểm $A \leq 175$ hoặc hộ có điểm A trên 175 điểm đến 200 điểm và có tổng điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị.

c) Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, cụ thể:

+ Khu vực nông thôn: hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

+ Khu vực thành thị: hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

5. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình

Thực hiện theo quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thời gian thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thời điểm tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm được thực hiện từ ngày 01 tháng 9 năm 2023 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Trước ngày 05 tháng 11 năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trước ngày 05 tháng 12 năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn (Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Trước ngày 15 tháng 11 năm 2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm trên địa bàn tỉnh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trước ngày 20 tháng 12 năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, các hội đoàn thể cấp huyện và cấp xã.

- Hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và các biểu tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định.

- Theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình và đúng thời gian quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện trong trường hợp thấy kết quả chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tổng hợp số liệu, phân tích và báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2023, báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ trẻ em tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện trong trường hợp thấy kết quả chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về mục đích, ý nghĩa, nội dung, yêu cầu của rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: tích cực tuyên truyền, giám sát quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác ở địa phương, cơ sở.

6. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh

- Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai thực hiện công tác rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

- Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện.

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và các điều kiện liên quan để tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho lực lượng rà soát của các thôn, ấp, khu phố.

- Hướng dẫn cho cấp xã quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và các biểu tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các xã tổ chức rà soát, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo công khai, dân chủ, có sự tham gia của các cấp, các ngành và người dân theo đúng quy định.

- Tổ chức thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các xã, phường, thị trấn; trường hợp kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương phải tổ chức phúc tra lại.

- Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy định.

- Phê duyệt kết quả và chịu trách nhiệm về tính chính xác kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách giảm nghèo trong năm 2024.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- Tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy định.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

- Chuyển danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình đã được công nhận trong năm 2023 về Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở xác định nguồn vốn cho vay trong năm 2024.

Trên đây là kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội)/.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ngành là thành viên BCD rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VP, VX5

(3)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Thông